

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BẾN CÁT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/HS-ST  
Ngày 30-3-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Văn Thị Thanh Trúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Kim Lý;

Ông Lương Thanh Nhân.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

**- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Lê Vũ T**, sinh năm 1998 tại tỉnh B; địa chỉ thường trú: Ấp 3, xã L, huyện Đ, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 07/12; con ông Lê Vũ T1, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1981; bị cáo có 02 anh chị em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B từ ngày 27/11/2020; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Công D**, sinh năm 1999 tại tỉnh C; địa chỉ thường trú: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh C; chỗ ở: Ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 11/12; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970 và bà Lê Thị C, sinh năm 1972; bị cáo có 02 anh chị em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B từ ngày 27/11/2020; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*** Bà Lữ Thị K, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh C. Vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 15 phút ngày 27/11/2020 tại đoạn đường trước cổng nhà trọ Cô Chi thuộc ấp A, xã P, thị xã B, tỉnh B, Đội Cảnh sát Điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy phối hợp Công an xã P tiến hành kiểm tra hành chính đối với Nguyễn Công D đang điều khiển xe mô tô biển số 69E1-247.08 chở Lê Vũ T. Qua kiểm tra phát hiện bên trong túi quần bên phải của T đang mặc có 01 gói nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng. Lực lượng Công an phát hiện và thu giữ: 01 gói nylon hàn kín hai đầu bên trong chứa tinh thể màu trắng; 01 đoạn ống hút thủy tinh gắn với nắp chai nhựa; 01 xe mô tô biển số 69E1-247.08.

Tại Cơ quan Điều tra, T và D khai nhận là đối tượng sử dụng ma túy đá, nguồn ma túy T và D có sử dụng là do mua của đối tượng tên C (không rõ nhân thân, lai lịch) ở Khu công nghiệp L thuộc huyện C, tỉnh L để sử dụng.

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 23/11/2020, D điều khiển xe mô tô hiệu Honda Blade, màu đen, biển số 69E1-247.08 đi từ thị xã đến Khu công nghiệp L, huyện C, tỉnh L để đón T lên tỉnh B tìm việc làm. T rủ D đi chơi game tại một tiệm Internet không rõ tên ở Khu công nghiệp L, D đồng ý. Tại đây, do có nhu cầu sử dụng ma túy, T rủ D mỗi người hùn 100.000 đồng để mua ma túy về sử dụng. D đồng ý và đưa số tiền 100.000 đồng cho T. T đi bộ đến một nhà nghỉ (không rõ địa chỉ) gần đó gặp đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch mua được 200.000 đồng ma túy. Khoảng 16 giờ cùng, D điều khiển xe mô tô hiệu Honda Blade, màu đen, biển số 69E1-247.08 chở T về phòng trọ của D tại ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh B để nghỉ ngơi và tìm việc cho T. Đến chiều ngày 24/11/2020, D hỏi về gói ma túy thì T lấy 01 gói ma túy từ trong túi quần ra đưa cho D xem rồi cất lại vào túi quần. Khoảng 10 giờ ngày 26/11/2020, T rủ D đi tìm nhà nghỉ để sử dụng ma túy. D đồng ý. D điều khiển xe mô tô hiệu Honda Blade, màu đen, biển số 69E1-247.08 và chở T đi đến nhà nghỉ không rõ tên tại xã Phú An, thị xã Bến Cát, tỉnh B. Tại đây T lấy một phần trong gói ma túy mà D và T hùn tiền mua để sử dụng, phần còn dư T hàn kín lại cất vào trong túi quần bên phải, phía trước. Đến khoảng 23 giờ ngày 27/11/2020 D rủ T tiếp tục tìm nhà nghỉ để sử dụng phần ma túy còn lại, T đồng ý. D điều khiển xe mô tô biển số 69E1-247.08 chở T đi tìm nhà nghỉ. Khi đi đến đoạn đường trước cổng nhà trọ Cô Chi thuộc ấp An Thuận, xã Phú An, thị xã Bến Cát, tỉnh B thì bị lực lượng công an yêu cầu dừng kiểm tra, phát hiện và bắt giữ.

Theo Kết luận giám định số 755/MT-PC09 ngày 04/12/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh B, kết luận mẫu tinh thể gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 0,4090 gam loại Methamphetamine.

Qua xác minh, xe mô tô hiệu Honda Blade, màu đen, biển số 69E1-247.08 do bà Lữ Thị K đứng tên chủ sở hữu. Ngày 27/11/2020, D có đến phòng trọ của bà K để mượn xe mô tô hiệu Honda Blade, màu đen, biển số 69E1-247.08 đi công việc do D là bạn trai của con bà K là Trần Kim Tr (sinh năm 1999; địa chỉ thường trú: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh C) nên bà K đồng ý. Bà K không biết D sử dụng xe mô tô biển số 69E1-247.08 làm phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Ngày 09/02/2021, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B giao trả xe mô tô hiệu Honda Blade, màu đen, biển số 69E1-247.08 cho bà Lữ Thị K.

Tại bản Cáo trạng số 42/CT-VKS-BC ngày 12/3/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B truy tố bị cáo Lê Vũ T và Nguyễn Công D về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Vũ T và Nguyễn Công D về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Vũ T từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 04 tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Công D từ 01 năm đến 01 năm 02 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì thư niêm phong ghi số: 755/PC09 niêm phong có chữ ký của Lê Vũ Tâm, Nguyễn Công D (người chứng kiến), Trần Công T (Cán bộ giao mẫu), Trương Minh H (Giám định viên/Trợ lý giám định) và hình dấu đỏ niêm phong của KTHS – Công an tỉnh B. Khối lượng M= 0,3337 gam loại Methamphetamine; 01 (một) đoạn ống hút thủy tinh gắn với nắp chai nhựa.

Các bị cáo Lê Vũ T và Nguyễn Công D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, nội dung bản Cáo trạng số 42/CT-VKS-BC ngày 12/3/2021 và Kết luận giám định số 755/MT-PC09 ngày 04/12/2020.

Tại phiên tòa, các bị cáo không đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận gì để đối đáp với Kiểm sát viên về nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thị xã B, tỉnh B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Vũ T và Nguyễn Công D đã thành khẩn khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh B đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ thu giữ trong vụ án, biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Khoảng 23 giờ 15 phút ngày 27/11/2020, các bị cáo Lê Vũ T và Nguyễn Công D đã có hành vi cất giấu trái phép 0,4090 gam ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng. Do đó, hành vi mà các bị cáo Lê Vũ T và Nguyễn Công D đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác hại xấu đến trật tự công cộng và an toàn xã hội. Việc mua, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy là nguyên nhân làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội như: Trộm cắp, cướp giật, đặc biệt là nguy cơ lây nhiễm căn bệnh HIV/AIDS qua con đường tiêm chích ma túy. Loại ma túy mà các bị cáo tàng trữ là Methamphetamine, đây là loại độc dược gây nghiện, có nhiều tác hại cho sức khỏe con người. Hiện nay, tệ nạn hút chích ma túy đang là gánh nặng cho gia đình và xã hội, trong khi Nhà nước không ngừng tuyên truyền giáo dục và vận động toàn xã hội ra sức đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy thì vẫn còn những người vì mục đích tư lợi đã lén lút hoạt động tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy, bất chấp pháp luật và hậu quả gây ra cho xã hội.

Về tình tiết định khung hình phạt: Tổng khối lượng Methamphetamine các bị cáo Lê Vũ T và Nguyễn Công D đã có hành vi cất giấu trái phép là 0,4090 gam methamphetamin. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khung hình phạt nên chỉ xét xử ở khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo thuộc trường hợp được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo Nguyễn Công D có ông nội là người có công với cách mạng, bản thân bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét tính chất và mức độ phạm tội: Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn. Các bị cáo cùng nhau tham gia bàn bạc, góp tiền chung để mua ma túy về nhằm mục đích sử dụng. Bị cáo T là người đầu tiên khởi xướng rủ rê bị cáo D và trực tiếp đi mua ma túy về sử dụng. Bị cáo D chờ bị cáo T tìm chỗ để sử dụng ma túy. Do đó mức hình phạt đối với bị cáo T sẽ cao hơn so với bị cáo Danh.

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ phạm tội cũng như nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo D là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận. Đối với mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo T là chưa phù hợp nên có không cơ sở chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) Bì thư niêm phong ghi số: 755/PC09 có chữ ký của Lê Vũ T và Nguyễn Công D (người chứng kiến), Trần Công T (cán bộ giao mẫu), Trương Minh H (Giám định viên/Trợ lý giám định) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh B, khối lượng M= 0,3337 gam loại Methamphetamine và 01 (một) ống hút thủy tinh gắn với nắp chai nhựa: Đây là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ và lưu hành. Căn cứ theo điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần phải tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, biển số 69E1-247.08 do bị cáo D sử dụng chờ bị cáo T đi mua ma túy: Đây là tài sản hợp pháp của bà Lữ Thị K. Bị cáo Nguyễn Công D mượn xe đi công chuyện cá nhân, bà K không biết hành vi phạm tội của bị cáo D nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B giao trả xe này cho bà Lữ Thị K là phù hợp theo quy định pháp luật.

[5] Đối với đối tượng tên C (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho bị cáo T và D: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B tiếp tục xác minh nhân thân, lai lịch để làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **1. Về trách nhiệm hình sự:**

Tuyên bố các bị cáo Lê Vũ T và Nguyễn Công D phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Vũ T;

Xử phạt bị cáo Lê Vũ T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 27/11/2020.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Công D;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công D 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 27/11/2020.

#### **2. Về xử lý vật chứng:**

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) Bì thư niêm phong ghi số: 755/PC09 có chữ ký của Lê Vũ T và Nguyễn Công D (người chứng kiến), Trần Công T (cán bộ giao mẫu), Trương Minh H (Giám định viên/Trợ lý giám định) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh B, khối lượng M= 0,3337 gam loại Methamphetamine và 01 (một) ống hút thủy tinh gắn với nắp chai nhựa.

(Vật chứng được thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B giữa Công an thị xã B và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B)

#### **3. Về án phí hình sự sơ thẩm:**

Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Vũ T và Nguyễn Công D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

#### **4. Về quyền kháng cáo:**

Các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Công an thị xã B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Văn Thị Thanh Trúc**